

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3719/STC-DNHTĐT ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ khoản 1 Điều 22; khoản 2 Mục II Phần B Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; khoản 7 Điều 3 của Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngày 08 tháng 01 năm 2018, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang thông qua Nghị quyết số 124/2018/NQ-HĐND quy định về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tuy nhiên, Thông tư số 250/2016/TT-BTC đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tại khoản 1 Điều 21; khoản 1 Điều 22 và khoản 2 Mục II Phần B Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định:

“Điều 21. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

II	LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN SẢN XUẤT, KINH DOANH
-----------	---

2	Lệ phí đăng ký kinh doanh	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
---	----------------------------------	----------------------------

Tại khoản 23 Điều 1; khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định:

“Điều 1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh

23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. ...

Điều 2. Hiệu lực thi hành

2. Các cơ quan theo thẩm quyền khẩn trương thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết, bảo đảm để chính quyền địa phương ở các tỉnh, thành phố hình thành sau sắp xếp quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.”

Tại khoản 1 Điều 54 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định:

“Điều 54. Quy định chuyển tiếp

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này...”

Tại khoản 1 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 124/2018/NQ-HĐND) là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh khi thực hiện bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh An Giang (bao gồm cả Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã).

b) Cơ quan thu lệ phí: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).”

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Tại khoản 2 Điều 65 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 65. Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản

2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết theo quy định.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cơ quan thu lệ phí tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết theo hướng “Cơ quan thu lệ phí: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.” hoặc “Cơ quan thu lệ phí: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.”

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát đối tượng tại điểm a khoản 2 Điều 1

theo ý kiến tại khoản 1 Mục III của Báo cáo này.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát dự thảo Nghị quyết theo ý kiến tại Mục II của Báo cáo này và một số nội dung sau:

1. Điều 2

a) Tại Điều 22 của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc đăng ký doanh nghiệp quy định:

“Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.”

Tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định:

“Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện

1. Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.”

Tại khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 36. Trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

3. Các nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện được quy định tại Điều 7 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện.”

Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 2. Mức thu lệ phí

Mức thu lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp thay đổi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã (bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) là 100.000 đồng/lần cấp.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định Điều 2 dự thảo Nghị quyết đầy đủ chưa.

b) Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2. Đối tượng áp dụng

a) *Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh An Giang (bao gồm cả Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã).*”

Căn cứ nội dung trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định cụm từ “(bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)” tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết. Trường hợp cần thiết, đề nghị điều chỉnh thống nhất cách trình bày trong toàn bộ Nghị quyết.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát Điều 3 dự thảo Nghị quyết theo ý kiến tại khoản 1 Mục này.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất cách trình bày dấu câu cuối các điểm trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết.

IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh Tờ trình dự thảo theo ý kiến tại Mục II, III của Báo cáo này và một số nội dung sau:

1. Do Tờ trình dự thảo là văn bản hành chính nên đề nghị điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại điểm b khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư, cụ thể:

“b) Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.”

2. Điều chỉnh cụm từ “*cổng thông tin điện tử*” thành “*Cổng thông tin điện tử*”; “*Sở, ban, ngành*” thành “*sở, ban, ngành*”.

3. Bổ sung đầy đủ hồ sơ gửi kèm theo theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Báo cáo thẩm định).

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Đăng ký xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Thông báo số 29/TB-TTHĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Công văn số 604/UBND-KT ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Tài chính đã dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến góp ý tại Công văn số 2479/STC-DNHTĐT ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị quyết quy định lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Trên cơ sở tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 3719/STC-DNHTĐT.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh theo ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, btphao.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc